

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HSST
Ngày: 19/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

2/ Bà Trần Thị Sang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/HSST-QĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1986, tại Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Nguyễn Văn T, sinh 1960; Họ tên mẹ: Võ Thị V, sinh 1962; Anh chị em ruột 05 người, lớn nhất sinh 1981, nhỏ nhất sinh 1989; Vợ: Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1982 (không có đăng ký kết hôn và đã ly hôn); Con ruột 01 người sinh 2014; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Tốt; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2021 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Ông Huỳnh Thanh V1, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V.

- **Người làm chứng:**

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị L1, sinh năm 1954 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 16/5/2021, Nguyễn Văn L cùng một người thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) là bạn của L mới quen biết đi xe khách từ thành

phố M để về nhà của L ở ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V để chơi. Sau khi về tới nhà của mình thì L được Huỳnh Thanh V1, sinh năm 1976, nơi cư trú ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V rủ đến quán của Lê Thị L1, sinh năm 1954, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V để nhậu. Lúc này L rủ người bạn của mình đi đến quán của L1 để nhậu cùng với V1 và Nguyễn Văn B, sinh năm 1961, nơi cư trú ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V. Do nhậu say nên L về nhà trước còn bạn của L cùng với V1 và B ở lại quán nhậu tiếp. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì tất cả nghỉ nhậu, Vi để xe mô tô biển kiểm soát 81C1-186.47 tại quán của L1 và cùng với B về nhà của B ngủ. Tiếp đó, người bạn của L về đến nhà L thì rủ L đi nhậu tiếp do nhà không có rượu nên cả hai quay trở lại quán của L1 để nhậu nhưng quán đã đóng cửa. L và người bạn của L phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 84C1-186.47 của V1 dựng cặp đường đal gần quán của L1 không có ai trông coi nên cả hai nảy sinh ý thức lấy trộm xe mô tô của V1 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do xe mô tô không có chìa khóa nên bạn của L dẫn xe còn L thì đi phía sau đẩy xe về nhà của L. Tại đây, người bạn của L dùng tuốc nơ vít mở bửng bên xe phải, mặt nạ và đèn xi nhan rồi cắt dây điện để khởi động máy của xe mô tô trộm được. Sau đó, người bạn của L điều khiển xe mô tô nói trên chở L đến khu vực gần cầu S thuộc phường T, quận A, thành phố M bán xe mô tô lấy trộm cho vừa ve chai được 400.000đ rồi chia cho L 200.000đ, bán xe mô tô xong thì L đón xe khách đi về nhà của mình còn người bạn của L thì ở lại thành phố M. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thì Nguyễn Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi tội phạm của mình.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh V kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84C1-186.47, nhãn hiệu YAMAHA, số loại JUPITER, màu đỏ đen của Huỳnh Thanh V1, tại điểm thời bị chiếm đoạt trị giá 8.000.000đ.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ 01 bửng xe mô tô hai bánh, bên phải, màu đỏ đen; 01 đèn xi nhan; 01 mặt nạ xe mô tô hai bánh, màu đỏ.

Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn L đã bồi thường cho bị hại Huỳnh Thanh V1 số tiền 4.000.000đ.

Tại Cáo trạng số: 76/CT-VKS.HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh V truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 16/5/2021, trước cửa quán nhậu của bà Lê Thị L1, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V bị cáo và người bạn của bị cáo đã lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 84C1-186.47, nhãn hiệu YAMAHA, số loại JUPITER, màu đỏ đen của Huỳnh Thanh V1 trị giá 8.000.000đ. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại

cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Ngoài ra vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn L thống nhất với quan điểm luận tội và không tranh luận với Kiểm sát viên và phát biểu lời nói sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn L phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng, phù hợp với kết quả điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, không sai đối với bị cáo.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang lo sợ cho mọi người trong việc quản lý tài sản, không an tâm lao động, sinh hoạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do tính tư lợi cá nhân, tham lam, ích kỷ, không muốn bỏ ra công sức lao động mà muốn hưởng thụ trên công sức của người khác, tài sản đã được chiếm đoạt. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng có thời hạn để giáo dục bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xem xét thấy bị cáo Nguyễn Văn L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2

Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù bị cáo cũng đủ khả năng tự cải tạo. Từ những căn cứ trên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành xử phạt tù bị cáo Nguyễn Văn L nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000đ.

[5] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ 01 búng me mô tô hai bánh, bên phải, màu đỏ đen; 01 đèn xi nhan; 01 mặt nạ xe mô tô hai bánh, màu đỏ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19/01/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 búng me mô tô hai bánh, bên phải, màu đỏ đen; 01 đèn xi nhan; 01 mặt nạ xe mô tô hai bánh, màu đỏ.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Sở Tư pháp tỉnh V;
- TAND tỉnh V
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Bảo Trân